TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2023/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 24 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án *"Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"* thụ lý số 113/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1965
Địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên
- Bị đơn: Anh Vũ Văn K, sinh năm 1963
Địa chỉ: Thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Anh Vũ Văn K và chị Vũ Thị L có tài sản chung: 01 thửa đất ở thửa 48, tờ bản đồ số 27, theo số đo thực tế có diện tích 262,4m2 tại thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên (thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 923349 do Ủy ban nhân dân thị xã M, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 27/9/2013); 01 thửa đất ao thửa 50, tờ bản đồ 27, diện tích 226m2 nằm trong thửa đất ở thửa 48 tờ bản đồ số 27 (Địa chỉ thửa đất thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên). Tài sản gắn liền với đất gồm có: 01 ngôi nhà chính (nhà cấp 4) một tầng, bể nước phía sau nhà; cổng sắt, tường rào, trụ cổng, tường hoa, nhà vệ sinh nhà tắm 01 tầng, nhà ngang, bể nước trên mái, lán tôn giáp sân gạch (lán trái nhà), sân gạch đỏ.

* Anh Vũ Văn K và chị Vũ Thị L thỏa thuận tính khối lượng - Giá trị tài sản chung của vợ chồng theo bảng tính của Hội đồng định giá tài sản ngày 17/02/2023, xác định:

- Giá trị quyền sử dụng thửa đất ở thửa đất 48, tờ bản đồ số 27 diện tích 262,4m^2 x 5.000.000đ/m^2 = 1.312.000.000 đồng.

- Giá trị quyền sử dụng thửa đất ao thửa số 50, tờ bản đồ số 27 diện tích 226m^2 x 80.000đ/m^2 =18.080.000 đồng.

- Giá trị tài sản trên đất có tổng giá trị: 292.587.000 đồng. Cụ thể:

+ Giá trị nhà chính 01 tầng 55,43m^2 là 171.715.890 đồng

+ Giá trị bể nước phía sau là 2.522.221 đồng

+ Giá trị cổng sắt là 4.759.400 đồng

+ Giá trị tường rào là 12.463.500 đồng

+ Giá trị trụ cổng là 1.733.000 đồng

+ Giá trị tường hoa là 6.683.368 đồng

+ Giá trị lán tôn giáp sân gạch (lán trái nhà) là 5.309.000 đồng

+ Giá trị nhà ngang (bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm 01 tầng mái bê tông cốt thép, bể nước trên mái) là 76.405.912 đồng

+ Giá trị sân gạch đỏ là 10.994.709 đồng

* Anh Vũ Văn K và chị Vũ Thị L thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng như sau:

- Giao cho anh Vũ Văn K quản lý, sử dụng phần đất ở, đất ao và phần tài sản trên đất theo hình CDEF, cụ thể:

+ Phần diện tích đất ở theo hình CDEFLMIG có diện tích 122,5m^2 tại số thửa 48, tờ bản đồ 27, tại thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên có các cạnh phía Đông giáp phần đường bê tông dài 7,55m và giáp đất ao nhà anh K dài 5,98m; phía Nam giáp nhà ông Hòa dài 34,16m; phía Tây giáp mương nước dài 7,48m và giáp đất ao giao cho anh K dài 7,19m; phía Bắc giáp đất ở giao cho chị L dài 1,58m và 12,36m; phía Bắc giáp đất ao giao cho anh K dài 20,04m. Phần giá trị quyền sử dụng đất ở tương ứng với số tiền là 612.500.000 đồng (Sáu trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

+ Phần diện tích đất ao theo hình GIML có diện tích 127,2m^2 tại số thửa 50, tờ bản đồ 27, tại thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên có các cạnh phía Đông giáp phần đất ở giao cho anh K dài 7,19m; phía Nam giáp phần đất ở giao cho anh K dài 20,04m; phía Tây giáp phần đất ở giao cho anh K dài 5,98m; phía Bắc giáp đất ao giao cho chị L dài 18,8m. Phần giá trị quyền sử dụng đất ao tương ứng với số tiền là 10.176.000 đồng (Mười triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

+ Phần giá trị tài sản trên đất tương ứng với số tiền là 100.586.934 đồng (Một trăm triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi tư đồng).

- Giao cho chị Vũ Thị L quản lý, sử dụng phần đất ở, đất ao và phần tài sản trên đất theo hình BCFA, cụ thể:

+ Phần diện tích đất ở theo hình BCGHKLFA có diện tích 139,9m^2 tại số thửa 48, tờ bản đồ 27, tại thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên có các cạnh phía Đông giáp phần đường bê tông dài 7,54m và giáp đất ao giao chị L dài 5,71m; phía Nam giáp đất ở giao cho anh K dài 12,36m và 1,58m; phía Nam giáp đất ao giao cho anh K dài 17.8m; phía Tây giáp mương nước dài 7,48m và giáp đất ao giao cho chị L dài 5,13m; phía Bắc giáp đất nhà ông Quyên dài 31,33m. Phần giá trị quyền sử dụng đất ở tương ứng với số tiền là 699.500.000 đồng (Sáu trăm chín mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

+ Phần diện tích đất ao theo hình HGLK có diện tích 98,8m^2 tại số thửa 50, tờ bản đồ 27, tại thôn P, xã H, thị xã M, tỉnh Hưng Yên có các cạnh phía Đông giáp phần đất ở giao cho chị L dài 5,13m; phía Nam giáp phần đất ao giao cho anh K dài 18.8m; phía Tây giáp phần đất ở giao cho chị L dài 5,71m; phía Bắc giáp đất ở giao cho chị L dài 17,8m. Phần giá trị quyền sử dụng đất ao tương ứng với số tiền là 7.904.000 đồng (Bảy triệu, chín trăm linh tư triệu đồng).

+ Phần giá trị tài sản trên đất tương ứng với số tiền là 192.000.066 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu, không trăm sáu mươi sáu đồng).

- Chị Vũ Thị L có trách nhiệm trả chênh lệch giá trị tài sản cho anh Vũ Văn K 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng).

(Có sơ đồ kèm theo)

* Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 18.291.100 đồng (Mười tám triệu, hai trăm chín mươi mốt nghìn, một trăm đồng*)* án phí chia tài sản; được đối trừ vào số tiền 6.600.000 đồng chị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013224 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hưng Yên, chị L còn phải nộp tiếp là 11.691.100 đồng (Mười một triệu, sáu trăm chín mươi mốt nghìn, một trăm đồng) án phí chia tài sản.

Anh Vũ Văn K phải chịu 18.049.000 đồng (Mười tám triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn đồng*)* án phí chia tài sản.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Phòng KTNV và THA -TAND tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Oanh